

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 272/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 04/8/2024

"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Yến.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim Hồng

Bà Nguyễn Thị Bích Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Tường- Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 266/2024/TLST-HNGĐ ngày 21/5/2024 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 325/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/6/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 234/2024/QĐH-HNGĐ ngày 18/7/2024 giữa:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Huy N**, sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn Đ, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương

- Bị đơn: Chị **Trịnh Thị H**, sinh năm 1990

Địa chỉ trước khi xuất cảnh : Thôn Đ, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú hiện nay : Hàn Quốc

Người được anh N ủy quyền giao, nhận văn bản tố tụng tại TAND tỉnh Hải Dương: Ông Nguyễn Thanh H1, sinh năm 1979; địa chỉ: Khu A, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

(Anh N, ông H1 có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt; chị H được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, giấy ủy quyền, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt - Nguyên đơn anh N trình bày:

Anh và chị Trịnh Thị H được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 22/9/2009 tại UBND xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn chị H về sinh sống cùng gia đình anh, thời gian đầu kết hôn vợ chồng tình cảm, không có mâu thuẫn nhiều, cách đây khoảng 7 năm chị H đi lao động tại Hàn Quốc, chị H về Việt Nam được khoảng 2 lần sau đó từ khoảng năm 2019 đến nay chị H chưa về nước. Trước đây anh cũng đi nước ngoài lao động nhưng từ năm 2021 đến nay anh về Việt Nam sinh sống và nuôi con. Từ khi vợ chồng đi nước ngoài, mỗi người sống một nơi, không quan tâm chăm sóc nhau, mâu thuẫn vợ chồng ngày

càng lớn, mỗi lần điện thoại lại cãi nhau về việc kinh tế và nuôi dạy con. Từ khi anh về Việt Nam, vợ chồng không chuyện trò, chị H có điện thoại về cũng chỉ điện thoại hỏi han và nói chuyện với các con. Anh đã liên lạc trao đổi để chị H về nước để vợ chồng cùng nuôi dạy con nhưng chị H không đồng ý và xác định sẽ ở thêm nước ngoài vài năm nữa. Đến nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Huy T, sinh ngày 18/6/2010 và Nguyễn Huy H2, sinh ngày 19/2/2012, hiện hai cháu đang ở cùng anh. Anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng hai con, anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh Nhận tự nguyện chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- Do nguyên đơn anh N không cung cấp được địa chỉ của chị H tại Hàn Quốc. Tòa án tiến hành xác minh tại gia đình chị H, với bố đẻ của chị H là ông Trịnh Xuân L, ông L xác định về điều kiện kết hôn giữa anh N và chị H như anh N trình bày là đúng. Chị H thường xuyên liên lạc về gia đình, chị H xác định giữa chị và anh N có mâu thuẫn, cãi vã và ly thân thời gian dài, nay anh N xin ly hôn chị cũng nhất trí. Ông đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho chị H biết. Ông đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án, các giấy bảo của Tòa án về phiên hòa giải, phiên tòa, ông đã thông báo cho chị H được biết. Hiện chị H không có địa chỉ cụ thể tại Hàn Quốc, chị H không cung cấp địa chỉ và không gửi văn bản về Tòa án được, chị H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh N và chị H có 02 con chung là Nguyễn Huy T, sinh ngày 18/6/2010 và Nguyễn Huy H2, sinh ngày 19/2/2012, hiện hai cháu đang ở cùng anh N, chị H đang lao động ở nước ngoài nên không có điều kiện để chăm sóc con chung, chị H đồng ý giao hai con cho anh N chăm sóc và nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị H và anh N không có tài sản chung, công nợ chung.

- Cháu Nguyễn Huy T và Nguyễn Huy H2 là con chung của anh N, chị H có quan điểm được ở với bố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy mâu thuẫn của anh N và chị H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho anh N được ly hôn chị H. Về con chung, giao Nguyễn Huy T, sinh ngày 18/6/2010 và Nguyễn Huy H2, sinh ngày 19/2/2012 cho anh Nguyễn Huy N chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi; Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh N. Anh N phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.1] Bị đơn chị Trịnh Thị H hiện đang sinh sống và làm việc Hàn Quốc, nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại: Thôn Đ, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, anh N không cung cấp được địa chỉ cụ thể của chị H ở nước ngoài. Tòa án đã nhiều lần yêu cầu nhưng gia đình chị H đều trình bày không biết địa chỉ cụ thể của chị H tại Hàn Quốc. Tòa án đã tiến hành giao các văn bản tố tụng cho ông Trịnh Xuân L là bố đẻ của chị H để ông L thông tin lại cho chị H biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa anh N và chị H đồng thời tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, anh N vắng mặt, có đơn và quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn chị H đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng qua gia đình và niêm yết các văn bản tố tụng đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Anh N và chị H tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 22/9/2009 tại UBND xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương nên là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc được một thời gian, sau đó vợ chồng đi lao động tại nước ngoài, mỗi người sống một nơi, không quan tâm, chăm sóc nhau. Năm 2021, anh N về nước chăm sóc con, anh cũng liên lạc với chị H để vợ chồng cùng về nước nhưng chị H không đồng ý, do vậy vợ chồng ngày càng xa cách, không liên lạc; tình cảm vợ chồng không còn, anh N đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, anh chị không còn yêu thương, quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận cho anh N được ly hôn chị H là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] *Về quan hệ con chung:* Anh N và chị H có 02 con chung là cháu Nguyễn Huy T, sinh ngày 18/6/2010 và Nguyễn Huy H2, sinh ngày 19/2/2012; hiện hai con chung đang ở cùng anh T.

Anh N có quan điểm giao hai con cho anh nuôi dưỡng, anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Chị H hiện đang ở nước ngoài nên không có đủ điều kiện để nuôi con. Thông qua gia đình, chị H có quan điểm đồng ý giao hai con cho anh N chăm sóc và nuôi dưỡng.

Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh N, giao con Nguyễn Huy T, sinh ngày 18/6/2010 và Nguyễn Huy H2, sinh ngày 19/2/2012 cho anh Nguyễn Huy N tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của anh N không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Anh Nhận phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Huy N được ly hôn chị Trịnh Thị H

2. Về quan hệ con chung: Giao con Nguyễn Huy T, sinh ngày 18/6/2010 và Nguyễn Huy H2, sinh ngày 19/2/2012 cho anh Nguyễn Huy N chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Anh N tự nguyện không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con.

Chị Trịnh Thị H được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh N phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0000711 ngày 21 tháng 5 năm 2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Anh N đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Anh N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Chị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã An Bình, huyện Nam Sách;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Yến

